

DANH SÁCH SINH VIÊN
Môn: Thương mại điện tử
Nhóm: 03, HK2 NH 2021 - 2022
CBGD: Phan Nguyễn Phong Luân

STT	MSSV	Họ	Tên	ĐQT	ĐT	ĐHP
1	2120200285	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	9.6	8.4	8.9
2	2120200069	Ngô Thị Minh	Anh	8.7	6.2	7.2
3	2120200070	Đinh Thị Kiều	Ánh	8.9	8.5	8.7
4	2120200036	Bùi Thị Như	Bình	8.9	7.2	7.9
5	2120200105	Lê Văn	Chương	8.9	2	4.8
6	2120200071	Phan Thị Thu	Dân	8.9	8.1	8.4
7	2120200107	Trần Thị Thúy	Diễm	8.9	4.7	6.4
8	2121240027	Trần Thị Thùy	Dung	8.9	9.2	9.1
9	2120200073	Ngô Thị Khánh	Hà	8.5	4.4	6
10	2120200108	Nguyễn Thị Thu	Hà	8.9	6.8	7.6
11	2120200075	Võ Thị Ngọc	Hân	8.7	3.1	5.3
12	2120200110	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	8.9	5.5	6.9
13	2120200076	Nguyễn Mạnh	Hùng	8.9	6.9	7.7
14	2120200283	Cao Thị Thanh	Hương	8.6	3.3	5.4
15	2120200328	Nguyễn Công	Khanh	8.4	4.3	5.9
16	2120200111	Lê Thị	Lài	9.5	8.4	8.8
17	2120200078	Trần Thị Mỹ	Lệ	8.9	2.4	5
18	2120200112	Huỳnh Thị Ái	Liên	8.9	3.9	5.9
19	2120240127	Điêu Thị Ánh	Linh	8.7	7.7	8.1
20	2120200113	Nguyễn Trúc	Ly	8.3	6.2	7
21	2120200114	Trần Ngọc	Mai	8.5	6.3	7.2
22	2119240179	Nguyễn Thị Trà	Mi	8	8.7	8.4
23	2120200045	Bùi Thị Kiều	Mi	8.9	6.3	7.3
24	2120200118	Hồ Thị Trà	My	9	4.1	6.1
25	2120200116	Nguyễn Thị Diễm	My	8.7	9.1	8.9
26	2120200119	Đào Thị Hồng	Nga	8.2	8.5	8.4
27	2120200120	Nguyễn Trần Lệ	Ngân	8.2	5.4	6.5
28	2120200122	Phạm Đào Yến	Nhi	8.9	7.9	8.3

29	2120200123	Phạm Yến	Nhi	8.2	6.8	7.4
30	2120200080	Huỳnh Quốc	Nil	8.5	8.5	8.5
31	2120200081	Ngô Thái	Phiêu	8.1	4.8	6.1
32	2120200083	Đào Duy	Phương	8.5	3.1	5.3
33	2120200125	Thiều Thị Mỹ	Phương	8.5	5.3	6.6
34	2120200082	Nguyễn Thị Châu	Phương	9.7	7.6	8.4
35	2120200085	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	7.9	5	6.2
36	2120200127	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	9	10	9.6
37	2120200087	Phạm Thị Xuân	Sang	8.2	6.1	6.9
38	2120260061	Đặng Thị Như	Sinh	8.9	4.4	6.2
39	2120200287	Phạm Thị Thanh	Thanh	9.7	8.9	9.2
40	2120200088	Đặng Kim	Thanh	8.6	3.6	5.6
41	2120200130	Phan Thị	Thảo	8.9	8.4	8.6
42	2120200329	Võ Thị Phương	Thảo	8.5	8.8	8.7
43	2120200129	Nguyễn Diệu	Thảo	8	4.8	6.1
44	2120200131	Trần Quang	Thiện	9.7	6.9	8
45	2120200132	Phan Kim Hồng	Thương	8.8	4.5	6.2
46	2120200029	Huỳnh Nguyễn Mỹ	Trân	8.8	9.4	9.2
47	2120200092	Trương Thị	Trang	8.8	3.5	5.6
48	2120200059	Nguyễn Quỳnh	Trang	8.7	2.3	4.9
49	2120200093	Lê Thị Thùy	Trang	8	9.3	8.8
50	2120200095	Trần Thị Ánh	Tuyết	8.6	5.6	6.8
51	2120200096	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyết	8	8.2	8.1
52	2120200034	Nguyễn Thị Thúy	Vân	8.9	6.6	7.5
53	2120200066	Phạm Thị Tường	Vi	8.9	6.9	7.7
54	2120200098	Hồ Thị Thúy	Việt	8.1	4.3	5.8
55	2120200136	Hồ Lê Trúc	Vy	8.2	6	6.9
56	2120200099	Nguyễn Thị Thúy	Vy	8.2	9.6	9
57	2120200137	Phan Thị Lệ	Xuân	8.5	9.3	9
58	2120200103	Trần Thị Như	Ý	8.4	8	8.2
59	2120200101	Châu Thị Ngọc	Yến	8.9	9.4	9.2